

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Tư Thịnh

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên
Bà Lương Thị Yến	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Giấy ủy quyền số 352/2021/UQ-CQN ngày 01/09/2021 của Ông Bùi Quang Đạo - Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh ủy quyền cho Ông Hoàng Trọng Tùng - Phó Tổng Giám đốc thường trực là người ký Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Trọng Tùng
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 09 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại ngày 22/03/2021. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần tại ngày 14/08/2020.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		844.793.882.453	1.118.600.146.435
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.202.363.149	23.019.797.657
Tiền	111		33.202.363.149	23.019.797.657
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	160.000.000.000	150.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		160.000.000.000	150.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		605.532.960.802	899.186.690.157
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	499.478.215.556	772.895.237.456
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.183.711.780	6.898.309.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	111.317.669.665	130.839.779.100
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(11.446.636.199)	(11.446.636.199)
Hàng tồn kho	140	8	41.201.258.031	42.245.205.262
Hàng tồn kho	141		41.201.258.031	42.245.205.262
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.857.300.471	4.148.453.359
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	4.839.052.471	3.169.242.119
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	18.248.000	979.211.240
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		401.451.285.500	403.881.014.770
Tài sản cố định	220		188.247.703.712	193.779.874.381
Tài sản cố định hữu hình	221	11	188.181.519.469	193.697.846.802
- Nguyên giá	222		609.879.160.146	602.627.964.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(421.697.640.677)	(408.930.117.573)
Tài sản cố định vô hình	227	12	66.184.243	82.027.579
- Nguyên giá	228		4.145.060.000	4.145.060.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.078.875.757)	(4.063.032.421)
Tài sản dở dang dài hạn	240		36.356.163.781	36.249.917.910
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	36.356.163.781	36.249.917.910
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	161.924.096.131	161.924.096.131
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.207.213.772	2.207.213.772
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		188.644.167.351	188.644.167.351
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(28.927.284.992)	(28.927.284.992)
Tài sản dài hạn khác	260		14.923.321.876	11.927.126.348
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.923.321.876	11.927.126.348
TỔNG TÀI SẢN	270		1.246.245.167.953	1.522.481.161.205

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		272.863.783.070	595.723.434.497
Nợ ngắn hạn	310		272.863.783.070	595.723.434.497
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	170.285.540.865	409.481.035.742
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	328.591.126	939.294.293
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	10.031.494.458	10.701.351.627
Phải trả người lao động	314		17.098.022.314	25.876.600.490
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	283.159.387	282.174.478
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	1.399.714.621	2.717.638.841
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	72.787.759.692	140.041.599.610
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		649.500.607	5.683.739.416
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		973.381.384.883	926.757.726.708
Vốn chủ sở hữu	410	22	973.381.384.883	926.757.726.708
Vốn góp của chủ sở hữu	411		750.499.360.000	750.499.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.499.360.000	750.499.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		87.099.700.000	87.099.700.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.782.324.883	89.158.666.708
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		89.158.666.708	21.040.034.261
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.623.658.175	68.118.632.447
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.246.245.167.953	1.522.481.161.205

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc thường trực





Hoàng Trọng Tùng

Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	597.255.407.323	689.462.099.388
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		597.255.407.323	689.462.099.388
Giá vốn hàng bán	11	24	523.547.130.940	641.921.265.356
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.708.276.383	47.540.834.032
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	34.940.260.952	70.928.408.297
Chi phí tài chính	22	26	17.655.069.789	64.586.940.787
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	31.373.515.343	29.745.369.803
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.619.952.203	24.136.931.739
Thu nhập khác	31	28	4.642.827.316	3.404.332.751
Chi phí khác	32	29	4.796.654.539	350.066.497
Lợi nhuận khác	40		(153.827.223)	3.054.266.254
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.466.124.980	27.191.197.993
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	12.842.466.805	5.424.239.599
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.623.658.175	21.766.958.394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	621	435
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		621	435

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Người lập biểu

Vũ Mạnh Duy

Kế toán trưởng

Nguyễn Tư Thịnh

Phó Tổng Giám đốc thường trực



Hoàng Trọng Tùng

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021 VND	đến 30/06/2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	884.860.412.851	1.605.114.599.844
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(750.245.862.318)	(2.314.330.422.601)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(55.847.359.830)	(43.474.180.789)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(13.475.854.802)	(7.400.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	51.510.859.271	9.812.123.386
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(99.103.783.452)	(77.941.794.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.698.411.720	(828.219.675.035)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.490.681.250)	(1.804.000.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.000.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.000.000.000	841.399.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.013.314.608	24.698.147.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.477.366.642)	824.293.147.914
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.677.900)	(9.103.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.677.900)	(9.103.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.219.367.178	(3.935.631.021)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.019.797.657	28.462.181.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(36.801.686)	(21.531.843)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.202.363.149	24.505.018.369

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc thường trực






Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

Hoàng Trọng Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh (sau đây được gọi là “Công ty”), được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13/01/2021, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ tư ngày 13/01/2021, vốn điều lệ của Công ty là 750.499.360.000 VND, được chia thành 75.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh nông sản;
- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistics (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty chủ yếu được thực hiện trong thời gian lớn hơn 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có trụ sở tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có 691 nhân viên trong đó có 36 nhân viên quản lý (tại ngày 31/12/2020 công ty có 688 nhân viên trong đó có 36 nhân viên quản lý.)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 – Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có nguồn gốc ngoại tệ, được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

+ Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

+ Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn (các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn).

+ Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị xác định như sau:

Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 27
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 13

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán và kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 01 năm 2021 là 750.499.360.000 đồng và được chia thành 75.049.936 cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hóa đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT của Công ty đối với các đại lý tàu biển nước ngoài là 0%, các dịch vụ khác là 10%.

Hoạt động kinh doanh thương mại nông sản không phải kê khai, tính và nộp thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2021, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

3.16 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	196.518.042	83.436.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.005.845.107	22.936.361.264
Cộng	33.202.363.149	23.019.797.657

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP SHB Quảng Ninh	-	30.000.000.000
- Ngân hàng Quốc Tế VIB (1)	10.000.000.000	-
Khác	150.000.000.000	120.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (2)	150.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	160.000.000.000	150.000.000.000

(1) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại Ngân hàng Quốc Tế VIB.

(2) Đây là khoản ký gửi vốn vào Công ty cổ phần Tập đoàn T&T ("Tập đoàn T&T") theo hợp đồng hợp tác số 01/2021/TT-CQN ký ngày 26/01/2021 giữa Công ty và Tập đoàn T&T ("Hợp đồng quản lý vốn"), theo đó Công ty ký gửi khoản tiền nhân rồi cho Tập đoàn T&T quản lý. Khi có nhu cầu rút khoản ký gửi Công ty sẽ gửi thông báo cho Tập đoàn T&T và yêu cầu Tập đoàn T&T chuyển khoản rút vốn vào tài khoản của Công ty theo chỉ dẫn của Công ty. Khoản ký gửi vốn được hưởng lãi theo mức lãi suất thỏa thuận thống nhất giữa hai bên.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.183.711.780	6.898.309.800
- Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc	3.572.730.000	1.191.000.000
- Công ty TNHH GREIFER MRS	-	2.851.816.000
- Công ty TNHH Tân Quang Minh	620.882.140	620.882.140
- Công ty TNHH Cơ khí đúc Tân Tiến	567.000.000	567.000.000
- Các đối tượng khác	1.423.099.640	1.667.611.660
Cộng	6.183.711.780	6.898.309.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	499.478.215.556	(10.940.254.979)	772.895.237.456	(10.940.254.979)
- Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội	-	-	87.744.770.076	-
- Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	-	-	209.649.954.810	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	136.247.758.450	-	202.092.758.450	-
- Công ty TNHH đầu tư và phát triển kinh doanh Phát An Lộc	170.107.041.280	-	217.407.041.280	-
- Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Tân Mai	143.574.321.040	-	-	-
- Các đối tượng khác	49.549.094.786	(10.940.254.979)	56.000.712.840	(10.940.254.979)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	499.478.215.556	(10.940.254.979)	772.895.237.456	(10.940.254.979)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.2

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.978.452.345	-	40.124.447.316	-
Công cụ, dụng cụ	2.052.570.886	-	2.120.757.946	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	170.234.800	-	-	-
Cộng	41.201.258.031	-	42.245.205.262	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty CP đầu tư Cừ Long Vinashin	716.847.009	-	716.847.009	-
- Công ty CP Công Nghiệp Nặng Cừ Long	1.785.424.000	-	1.785.424.000	-
- Công ty cổ phần tập đoàn Quang Minh	5.373.413.834	-	5.373.413.834	-
- Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	1.235.254.794	-	1.235.254.794	-
- Cảng Vụ Hàng Hải Quảng Ninh	1.079.569.304	-	1.079.569.304	-
- Các đối tượng khác	1.295.447.040	39.319.782	1.295.447.040	39.319.782
Cộng	11.485.955.981	39.319.782	11.485.955.981	39.319.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	111.317.669.665	-	130.839.779.100	-
- Tạm ứng	345.120.551	-	449.435.588	-
- Phải thu khác	110.972.549.114	-	130.390.343.512	-
+ Công ty cổ phần tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	506.381.220	(506.381.220)
+ Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu Hà Nội	8.720.995.853	-	30.157.193.535	-
+ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu rau quả I	31.606.442.882	-	31.606.442.882	-
+ Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	4.752.998.318	-	7.277.423.644	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (*)	40.471.315.068	-	43.912.876.713	-
+ Các đối tượng khác	24.914.415.773	-	16.930.025.518	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	111.317.669.665	(506.381.220)	130.839.779.100	(506.381.220)

Phải thu của khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.2

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T bao gồm: số dư khoản lãi theo Hợp đồng quản lý vốn và số dư của các thỏa thuận hợp tác kinh doanh, trong đó hai bên cùng hợp tác, góp vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T đang thực hiện hoặc cùng phối hợp kinh doanh các lĩnh vực có thể mang đến xuất phát khả thi và phù hợp với nhu cầu của Cảng Quảng Ninh (trên lãnh thổ Việt Nam). Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế tại thời điểm kết thúc hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2021	172.303.478.368	105.449.174.871	323.036.238.663	1.839.072.473	602.627.964.375
- Mua trong kỳ	119.960.498	520.000.000	6.418.181.818	193.053.455	7.251.195.771
30/06/2021	<u>172.423.438.866</u>	<u>105.969.174.871</u>	<u>329.454.420.481</u>	<u>2.032.125.928</u>	<u>609.879.160.146</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2021	(107.813.880.442)	(74.227.597.006)	(225.161.468.678)	(1.727.171.447)	(408.930.117.573)
- Khấu hao trong kỳ	(2.540.367.821)	(3.206.871.088)	(6.991.997.823)	(28.286.372)	(12.767.523.104)
30/06/2021	<u>(110.354.248.263)</u>	<u>(77.434.468.094)</u>	<u>(232.153.466.501)</u>	<u>(1.755.457.819)</u>	<u>(421.697.640.677)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2021	<u>64.489.597.926</u>	<u>31.221.577.865</u>	<u>97.874.769.985</u>	<u>111.901.026</u>	<u>193.697.846.802</u>
30/06/2021	<u>62.069.190.603</u>	<u>28.534.706.777</u>	<u>97.300.953.980</u>	<u>276.668.109</u>	<u>188.181.519.469</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là: 116.952.277.298 đồng (tại ngày 31/12/2020 là: 116.952.277.298 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	4.145.060.000	4.145.060.000
30/06/2021	4.145.060.000	4.145.060.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2021	(4.063.032.421)	(4.063.032.421)
- Khấu hao trong kỳ	(15.843.336)	(15.843.336)
30/06/2021	(4.078.875.757)	(4.078.875.757)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	82.027.579	82.027.579
30/06/2021	66.184.243	66.184.243

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là: 4.050.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2020 là: 4.050.000.000 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng cơ bản	35.992.916.561	35.992.916.561
- Dự án kho bãi hàng hóa đòi thượng lưu Bến 1	32.493.489.224	32.493.489.224
- Dự án kho 4200 m ² đòi trong Bến 1	2.298.399.091	2.298.399.091
- Các dự án khác	1.201.028.246	1.201.028.246
Sửa chữa	363.247.220	257.001.349
Cộng	36.356.163.781	36.249.917.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	4.839.052.471	3.169.242.119
- Bảo hiểm tài sản	1.865.699.349	816.799.950
- Thuê nhà kho	770.000.000	1.056.720.000
- Chi phí trả trước khác	2.203.353.122	1.295.722.169
Dài hạn	14.923.321.876	11.927.126.348
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	854.402.267	1.220.574.665
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.068.919.609	10.706.551.683
Cộng	19.762.374.347	15.096.368.467



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2021			01/01/2021		
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		2.207.213.772	(2.207.213.772)		2.207.213.772	(2.207.213.772)
+ Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	25,53%	2.207.213.772	(2.207.213.772)	25,53%	2.207.213.772	(2.207.213.772)
Đầu tư vào đơn vị khác		188.644.167.351	(26.720.071.220)		188.644.167.351	(26.720.071.220)
+ Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	12,23%	156.918.438.000	-	12,23%	156.918.438.000	-
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải	0,01%	1.015.739.351	-	0,01%	1.015.739.351	-
+ Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	0,71%	1.000.000.000	(634.700.000)	0,71%	1.000.000.000	(634.700.000)
+ Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	8,14%	29.709.990.000	(26.085.371.220)	8,14%	29.709.990.000	(26.085.371.220)
Cộng		190.851.381.123	(28.927.284.992)		190.851.381.123	(28.927.284.992)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	170.285.540.865	170.285.540.865	409.481.035.742	409.481.035.742
- Công ty Cổ phần Chipsgood - Vegetexco	153.712.364.200	153.712.364.200	180.510.065.650	180.510.065.650
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TIC Hà Nội	-	-	214.497.085.700	214.497.085.700
- Các đối tượng khác	16.573.176.665	16.573.176.665	14.473.884.392	14.473.884.392
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	170.285.540.865	170.285.540.865	409.481.035.742	409.481.035.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	30/06/2021 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.568.522.711	10.290.238.451	10.428.194.274	1.430.566.888
- Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu	-	292.846.891	292.846.891	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.132.828.916	12.842.466.805	13.475.854.802	8.499.440.919
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.341.305.404	1.239.818.753	101.486.651
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	585.233.010	585.233.010	-
- Các loại thuế khác	-	10.554.049	10.554.049	-
	10.701.351.627	25.362.644.610	26.032.501.779	10.031.494.458
	01/01/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	30/06/2021 VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	960.963.240	960.963.240	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	18.248.000	132.600.317	132.600.317	18.248.000
	979.211.240	1.093.563.557	132.600.317	18.248.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	328.591.126	939.294.293
- Công ty TNHH CARGILL Việt Nam	-	616.509.374
- Công ty cổ phần Dinh Dưỡng Quốc Tế Đài Loan	112.118.546	37.268.651
- PDA SHIPPING EXPENSES	-	186.404.994
- Công ty CP Sản xuất và thương mại Hoàn Dương Hà Nam	77.204.138	-
- Công ty TNHH INNOVGREEN Thanh Hóa	50.844.112	-
- Các đối tượng khác	88.424.330	99.111.274
Dài hạn	-	-
Cộng	328.591.126	939.294.293

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	283.159.387	282.174.478
- Chi phí vận chuyển	203.252.575	181.494.015
- Chi phí tư vấn phát hành vốn	-	55.000.000
- Các khoản trích trước khác	79.906.812	45.680.463
Dài hạn	-	-
Cộng	283.159.387	282.174.478

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	72.787.759.692	140.041.599.610
- Kinh phí công đoàn	71.232.719	70.909.354
- Phải trả về cổ tức	6.237.674	7.915.574
- Cục hàng hải Việt Nam	6.674.137.811	25.563.839.244
- Công ty Cổ phần Chipsgood - Vegetexco	38.012.094.359	24.206.168.206
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Rau Quả	-	13.332.018.570
- Công ty TNHH VI NA HANIMEXCO	18.475.720.068	18.475.720.068
- Công ty cổ phần Cảng rau quả	-	16.249.847.458
- Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TIC Hà Nội	3.789.546.083	32.382.193.177
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.758.790.978	9.752.987.959
Dài hạn	-	-
Cộng	72.787.759.692	140.041.599.610

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.399.714.621	2.717.638.841
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê kho bãi	1.399.714.621	2.717.638.841
Dài hạn	-	-
Cộng	1.399.714.621	2.717.638.841

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	500.499.360.000	-	109.319.931.861	609.819.291.861
- Tăng vốn trong năm	250.000.000.000	87.099.700.000	-	337.099.700.000
- Lãi trong năm	-	-	68.118.632.447	68.118.632.447
- Giảm khác (*)	-	-	(88.279.897.600)	(88.279.897.600)
31/12/2020	750.499.360.000	87.099.700.000	89.158.666.708	926.757.726.708
01/01/2021	750.499.360.000	87.099.700.000	89.158.666.708	926.757.726.708
- Lãi trong kỳ này	-	-	46.623.658.175	46.623.658.175
30/06/2021	750.499.360.000	87.099.700.000	135.782.324.883	973.381.384.883

(*) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2020 (Chi trả cổ tức: 80.079.897.600 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi: 8.200.000.000 đồng).

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	737.694.350.000	737.694.350.000
- Các đối tượng khác	12.805.010.000	12.805.010.000
Cộng	750.499.360.000	750.499.360.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	750.499.360.000	500.499.360.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	750.499.360.000	500.499.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	80.079.897.600

22.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2021	01/01/2021
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.049.936	75.049.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	75.049.936
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.049.936	75.049.936
+ Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	75.049.936
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Kinh doanh hàng hóa nông sản	376.510.332.040	522.359.941.800
- Phí bốc xếp	148.943.078.542	107.330.449.060
- Phí cầu bến	23.518.047.320	16.398.283.595
- Tiền hàng hóa qua cảng	6.600.381.478	6.603.444.539
- Tiền vận chuyển hàng	12.140.741.456	8.662.884.734
- Lưu kho, bãi	11.074.274.483	11.914.199.059
- Các dịch vụ khác	18.468.552.004	16.192.896.601
Cộng	597.255.407.323	689.462.099.388

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33.2

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa nông sản	376.443.065.660	521.710.253.520
- Chi phí nhân công	37.726.428.024	31.526.233.588
- Chi phí bốc xếp, lai dắt	35.773.415.795	26.216.907.289
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	27.900.990.420	19.182.916.546
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.632.368.705	12.565.675.167
- Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu	10.286.093.047	7.162.074.957
- Chi phí điện nước	2.997.357.660	2.980.570.938
- Chi phí sửa chữa	5.954.260.164	6.070.650.734
- Chi phí khác	13.833.151.465	14.505.982.617
Cộng	523.547.130.940	641.921.265.356

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, Tiền cho vay	5.604.124.008	5.511.730.617
- Lãi chênh lệch tỷ giá	10.308.764	16.606.655
- Lãi trả chậm	29.325.828.180	30.330.071.025
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	35.070.000.000
Cộng	34.940.260.952	70.928.408.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	21.948.725	25.841.522
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	37.648.828	23.217.057
- Chi phí trả chậm	17.595.472.236	64.537.882.208
Cộng	17.655.069.789	64.586.940.787

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>31.373.515.343</i>	<i>29.745.369.803</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	18.735.847.519	17.782.383.458
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.997.735	142.223.829
- Chi phí nguyên vật liệu	941.203.594	1.434.041.131
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.138.344.298	7.206.840.874
- Chi phí bằng tiền khác	4.407.122.197	3.179.880.511
Cộng	31.373.515.343	29.745.369.803

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Thường làm tàu nhanh	4.626.438.829	3.402.006.751
- Các khoản khác	16.388.487	2.326.000
Cộng	4.642.827.316	3.404.332.751

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Các khoản phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	76.209.049	-
- Chi phí tài trợ công trình nhà bảo tàng Tổng cục II	4.600.000.000	-
- Các khoản chi phí khác	120.445.490	350.066.497
Cộng	4.796.654.539	350.066.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	11.227.296.641	8.596.116.088
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	27.900.990.420	19.182.916.546
- Chi phí nhân công	58.228.702.563	49.308.617.046
- Khấu hao tài sản cố định	12.783.366.440	12.707.898.996
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.188.232.840	35.268.128.961
- Chi phí bằng tiền khác	9.148.991.719	24.892.704.002
Cộng	178.477.580.623	149.956.381.639

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.466.124.980	27.191.197.993
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.746.209.049	-
- Các khoản chi phí không đủ hóa đơn, chứng từ	4.670.000.000	-
- Các khoản chi phí (phạt)	76.209.049	-
Các khoản thu nhập không tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	70.000.000
- Thu lãi cổ tức	-	70.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	64.212.334.029	27.121.197.993
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	12.842.466.805	5.424.239.599
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.842.466.805	5.424.239.599

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	46.623.658.175	21.766.958.394
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	46.623.658.175	21.766.958.394
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	75.049.936	50.049.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	621	435

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại	378.643,23	534.004,80
- Dollar Mỹ (USD)	378.536,46	533.898,03
- Euro (EUR)	106,77	106,77

33.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Công ty mẹ
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty CP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược

Trong kỳ tài chính, các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	4.517.791.517	3.135.051.354
Cộng	4.517.791.517	3.135.051.354
Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	143.889.700	-
- Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	-	129.282.601.370
Cộng	143.889.700	129.282.601.370
Hoạt động tài chính		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (Lãi từ hợp tác đầu tư)	5.471.315.068	40.407.123.287
Cộng	5.471.315.068	40.407.123.287
Chi phí tài chính		
- Tổng Công ty vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	-	6.588.558.042
Cộng	-	6.588.558.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

33 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Số dư với các bên liên quan</i>	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản đầu tư Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	150.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	120.000.000.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	40.471.315.068	43.912.876.713
Cộng	40.471.315.068	43.912.876.713
Phải trả khác		
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần	-	6.635.807.071
Cộng	-	6.635.807.071
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	1.099.612.473	3.214.706.945
Cộng	1.099.612.473	3.214.706.945
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	116.021.290	-
Cộng	116.021.290	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

33 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của nhân sự chủ chốt:

Thù lao của Thành viên HĐQT

Tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT	310.136.565	640.259.308
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT	147.040.970	262.925.941
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	90.000.000	117.169.811
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT	254.468.129	515.263.655
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT	147.040.970	231.932.240
Cộng		948.686.634	1.767.550.955

Thù lao của Thành viên Ban Kiểm soát

Tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	128.027.313	234.649.221
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	111.040.970	249.362.600
Bà Lương Thị Yến	Thành viên Ban kiểm soát	89.222.021	133.467.468
Cộng		328.290.304	617.479.289

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	919.177.763	1.187.179.564
Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	505.806.271	605.916.897
Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	516.950.905	634.708.288
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng Giám đốc	457.569.907	556.880.075
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng	386.895.284	479.675.139
Cộng		2.786.400.130	3.464.359.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

33 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.3 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dưới 1 năm	28.144.118.193	28.229.026.487
Từ 1 đến 5 năm	114.281.929.546	114.335.116.809
Trên 5 năm	215.206.096.402	230.183.869.552
Cộng	357.632.144.141	372.748.012.848

33.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập Báo cáo giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

33.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh đã được Kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh đã được soát xét.

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 09 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc thường trực



Vũ Mạnh Duy

Nguyễn Tư Thịnh

Hoàng Trọng Tùng